

MỤC LỤC

TÓM TẮT	2
NGUYÊN TẮC	4
NHU CẦU	5
GIẢI PHÁP QUẢN LÝ	6
Giải pháp 1 – Nuôi nhốt.....	7
Nuôi nhốt – để bán, cho mượn hoặc hiến tặng.....	8
Nuôi nhốt – Lợi ích	9
Nuôi nhốt – các vấn đề quan tâm	9
Giải pháp 2 – Thả động vật về rừng.....	10
Giải pháp thả động vật về rừng - Lợi ích	12
Thả động vật về rừng – Các vấn đề quan tâm	12
Giải pháp 3 – Euthanasia	14
Euthanasia—Lợi ích	14
Euthansia- Rủi ro	15
HÌNH THÀNH KHUNG KHUÔN KHỔ CẦN THIẾT	16
PHÂN TÍCH CÂY RA QUYẾT ĐỊNH	16
Phân tích cây ra quyết định – Nuôi nhốt.....	17
Phân tích cây ra quyết định – Thả động vật về rừng.....	19
PHỤ LỤC	
PHỤ LỤC 1 – CÂY RA QUYẾT ĐỊNH GIẢI PHÁP XỬ LÝ.....	22
PHỤ LỤC 1 – CÂY RA QUYẾT ĐỊNH GIẢI PHÁP XỬ LÝ.....	23
ĐỘNG VẬT BỊ NHỐT	23
PHỤ LỤC 2: CÂY RA QUYẾT ĐỊNH GIẢI PHÁP TRẢ LẠI CUỘC SỐNG	
HOANG DÃ CHO ĐỘNG VẬT.....	24

TÓM TẮT

Động vật hoang dã còn sống bị chính quyền địa phương, khu vực và quốc gia tịch thu vì nhiều lý do. Khi các cơ quan chức năng sở hữu những động vật này, họ phải có trách nhiệm xử lý kịp thời và hiệu quả các động vật hoang dã này.

Quy chế hiện hành, phong tục tập quán và các điều kiện kinh tế sẽ ảnh hưởng đến quyết định xử lý hợp lý các động vật bị tịch thu. Trong bối cảnh bảo tồn, cần lựa chọn một số giải pháp dưới đây:

- 1) Duy trì sự sống cho các động vật còn sống sót
- 2) Thả chúng trở lại cuộc sống hoang dã
- 3) Giải pháp giết động vật không gây đau đớn

Trong Hướng dẫn IUCN về việc xử lý các Động vật bị tịch thu đề cập những lợi ích và rủi ro của từng giải pháp. Nên kết hợp đọc thêm Hướng dẫn này với Hướng dẫn IUCN về Tái thiết lập loài (IUCN 1998), các phụ lục kèm theo. Đồng thời nên đọc tham khảo Hướng dẫn CITES về Xử lý các loài động vật bị tịch thu gồm các Phụ lục (Nghị quyết Đại hội 10.7) và Hướng dẫn IUCN về Phòng chống Tồn thất đa dạng sinh học do Xâm nhập Sinh học

Thả động vật bị tịch thu trở lại với cuộc sống hoang dã thường được coi là giải pháp phổ biến nhất của một cơ quan chức năng và có thể kêu gọi sự hỗ trợ của người dân. Tuy nhiên, giải pháp này thực sự đặt ra những rủi ro, khó khăn nhưng cũng mang lại một số lợi ích. Dưới đây là một vài rủi ro và khó khăn :

1. Tỷ lệ tử vong của động vật được thả trở lại cuộc sống hoang dã thường rất cao. Các loài động vật có vú và các loài chim non bị tịch thu khi chưa biết học cách tồn tại trong cuộc sống hoang dã. Một số loài khác thì có thể trở nên yếu đi, hoặc nếu không thì cũng bị ảnh hưởng bởi thời gian bị nhốt, và do đó ít có khả năng sống sót. Cuối cùng, ít có cơ hội sống sót nếu các loài động vật được thả ra tại những nơi không phù hợp với điều kiện sinh thái và **đời sống tự nhiên** của loài đó.
2. Các loài động vật được thả trở lại cuộc sống hoang dã **nhưng lại bên ngoài phạm vi sống của chúng** - nếu chúng sống sót – có khả năng trở thành vật nuôi hoặc thành **đối tượng xâm nhập**. Chính các loài xa lạ xâm nhập là nguyên nhân chính gây ra tổn thất đa dạng sinh thái, vì những loài này cạnh tranh với những loài bản địa, hay nói một cách khác, làm tổn thương đến tính hài hoà sinh thái của môi trường sống **mà chúng tham gia cấu thành nên**.
3. Sau khi bị buôn bán trao đổi hoặc bị nhốt chung với các loài động vật hoang dã khác, trong một số trường hợp, chúng bị nhốt chung với các động vật đã thuần chủng, các loài động vật hoang dã bị tịch thu có thể bị phơi nhiễm bệnh và thực vật ký sinh. Nếu trở lại cuộc sống hoang dã, những loài động vật này có thể ảnh hưởng đến các quần thể hoang dã khác, do đó gây ra những vấn đề nghiêm trọng và không thể khắc phục được.
4. Trong nhiều ví dụ, các động vật hoang dã bị tịch thu đã phải di chuyển những quãng đường rất dài từ nơi bị bắt và chuyển qua tay một vài lần do đó không thể biết nguồn gốc thực sự của chúng. Do đó, hoặc không thể hoặc rất khó xác định địa điểm thả về phù hợp cho các loài hoang dã này, xét trên khía cạnh nhu cầu sinh thái của loài, tỷ lệ gien của loài, và các đặc tính khác, rất cần để giảm tới

- thiếu các rủi ro (như sự cạnh tranh, sự lai giống) với loài động vật hoang dã tại địa điểm thả động vật bị tịch thu.
5. Trong trường hợp biết rõ nguồn gốc động vật bị tịch thu, thì tại địa điểm sinh thái phù hợp nơi mà trong khi động vật này vắng bóng sẽ được lấp chỗ trống bằng các cá thể khác, việc thay thế các động vật vắng bóng có thể gây ra những trở ngại không mong muốn cho hệ sinh thái.
 6. Các chương trình có trách nhiệm thả động vật trở lại cuộc sống hoang dã (c.f. IUCN 1998) là những nỗ lực dài hạn đòi hỏi nguồn tài chính và nguồn lực lớn; do đó họ có thể chuyển đổi nguồn lực khan hiếm cho các hoạt động bảo tồn khác hiệu quả hơn.

Để việc đưa các động vật bị tịch thu trở lại cuộc sống hoang dã phù hợp với các nguyên tắc và thủ tục bảo tồn, cần a) chỉ thả động vật trở lại các địa điểm ngoài phạm vi sống tự nhiên của loài đó trong trường hợp có giải pháp bảo tồn phù hợp với Hướng dẫn IUCN về Tái thiết lập loài; b) chỉ áp dụng trong những trường hợp động vật có giá trị bảo tồn cao và/hoặc việc thả những động vật này là một phần của chương trình quản lý. Việc thả động vật trở lại cuộc sống hoang dã phải luôn bao gồm các bước sàng lọc và theo dõi cần thiết để giải quyết những hạn chế tiêu cực lớn, như đã nêu trong Hướng dẫn IUCN về Tái thiết lập loài (IUCN 1998).

Việc nuôi nhốt các động vật hoang dã bị tịch thu – trong hầu hết các trường hợp – là một giải pháp rõ ràng và thường hay được tiến hành hơn giải pháp thả chúng trở về thế giới tự nhiên. Đương nhiên, trong trường hợp bị ăn cắp, thì các động vật này sẽ được trả về cho chủ. Có một số giải pháp nuôi nhốt động vật, tuy nhiên, mỗi giải pháp đều gánh chịu những chi phí và rủi ro nhất định:

- Vì động vật bị tịch thu rất có thể bị lây nhiễm bệnh và thực vật ký sinh trong trường hợp chúng bị giam cầm, chúng có thể gây nhiễm cho các loài động vật khác, gây ra những vấn đề nghiêm trọng và không thể cải thiện được.
- Việc tìm một môi trường sống thích hợp cho các động vật bị tịch thu có thể mất nhiều thời gian, do đó công chăm sóc cho các động vật này trong suốt thời gian đó có thể tốn rất nhiều chi phí.
- Động vật hoang dã có những đòi hỏi dinh dưỡng cụ thể, đồng thời đòi hỏi điều kiện chăm sóc cụ thể. Để chăm sóc ngắn hạn và dài hạn các động vật hoang dã bị tịch thu cần phải có không gian, tài chính và chuyên gia, những nguồn lực hiện không mấy sẵn có tại nhiều quốc gia.
- Chuyển quyền sở hữu từ cơ quan chức năng chịu trách nhiệm tịch thu sang cho một tổ chức tư nhân – cá nhân hay một tổ chức thương mại hay phi thương mại – có thể gây ra những vấn đề đạo đức và pháp lý phức tạp, gây khó khăn và mất thời gian giải quyết. Kinh doanh hoặc chuyển quyền sở hữu có thể - hoặc có coi là – thúc đẩy nhu cầu đối với động vật hoang dã đồng thời càng làm trầm trọng thêm nguy cơ mà hoạt động thương mại có thể gây ra đối với các loài này. Cũng có thể xảy ra thực trạng là chính quyền có thể làm ngưng hành vi buôn bán trái phép, bất hợp pháp, hoặc trong trường hợp có buôn bán thực sự, chính quyền sẽ được hưởng lợi ích từ hoạt động buôn bán này.

Ngoài ra, nhằm tránh rủi ro cho các quần thể hoang dã khi thả động vật trở lại cuộc sống hoang dã, thì việc nuôi nhốt các động vật bị tịch thu cũng mang lại những lợi ích khác, chẳng hạn như:

- Có thể sử dụng động vật bị tịch thu để giáo dục người dân về công tác bảo tồn và động vật hoang dã cũng như về hậu quả của việc buôn bán động vật hoang dã sống.
- **Những động vật bị tịch thu và nuôi nhốt có thể cung cấp nguồn giống gốc cho các vườn bách thú, trại nuôi thủy sinh** và các tổ chức khác, do đó có thể giảm nhu cầu đánh bắt các động vật hoang dã, mặc dù có thể xảy ra tác động ngược lại
- Trong từng trường hợp cụ thể biết rõ nguồn gốc của các loài bị tịch thu, các loài này có thể cung cấp tế bào nhân, và giống gốc phục vụ các chương trình nhân giống khả thi
- Các loài động vật bị tịch thu có thể là đề tài nghiên cứu, chương trình đào tạo và giáo dục, mang lại các lợi ích quan trọng to lớn cho công tác bảo tồn;

Giải pháp mang lại cái chết không đau đớn phải được coi là giải pháp có giá trị đối với việc xử lý động vật bị nuôi nhốt hoặc đem thả động vật về rừng. Mặc dù giải pháp này có thể nhận được sự phản đối, nhưng đó là một giải pháp nhân đạo và hoàn toàn phù hợp với công tác bảo tồn và giải pháp bảo vệ chăm sóc động vật. Ngoài ra, mặc dù nhiều cơ quan chức năng thận trọng đối với những lời chỉ trích khi quyết định áp dụng giải pháp mang lại cái chết không đau đớn cho các động vật bị tịch thu, có một số lý do lập luận giải thích tại sao nên áp dụng giải pháp này như sau:

- Trong nhiều, nếu không muốn nói, hầu hết các trường hợp, giải pháp mang lại cái chết không đau đớn là một giải pháp lựa chọn nhân đạo nhất để xử lý các động vật hoang dã bị tịch thu.
- Giải pháp này loại trừ rủi ro về gien, sinh thái và các rủi ro khác xảy ra đối với các quần thể hoang dã và hệ thống sinh thái;
- Giải pháp này loại bỏ nguy cơ lây nhiễm bệnh nghiêm trọng cho quần thể động vật hoang dã hoặc bị nhốt.
- Giải pháp này ít nhất thường là giải pháp ít tốn kém nhất

Việc thiết lập khuôn khổ chính sách chung gồm những thủ tục cụ thể cho các cơ quan chức năng sẽ giúp cân nhắc 3 giải pháp xử lý nêu trên gồm các vấn đề về hậu cần, pháp lý và đạo đức mà các cơ quan chức năng cần phải giải quyết.

Hướng dẫn của IUCN về việc Xử lý Động vật bị tịch thu

NGUYÊN TẮC

Khi các động vật hoang dã sống¹ bị cơ quan chức năng tịch thu, những cơ quan chức năng này có trách nhiệm xử lý các động vật này một cách hợp lý. Trong bối cảnh đòi hỏi cần có những giải pháp bảo tồn nhưng hiện vẫn còn những hạn chế nhất định trong luật quốc gia và quốc tế, thì quyết định xử lý cuối cùng các động vật bị tịch thu phải đạt được 3 mục tiêu: 1) tối đa hoá giá trị bảo tồn động vật mà không đe dọa đến sức khoẻ, **hành vi**, đặc điểm gien, thực trạng bảo tồn động vật hoang dã, quần thể loài bị giam cầm² hay

¹ Theo Hướng dẫn này, các động vật bị tịch thu nên được hiểu là các động vật hoang dã còn sống, chứ không phải là những động vật lai giống bị nuôi nhốt

² Mặc dù tài liệu này đề cập đến các loài, trong trường hợp các loài có các phân loài đã được xác định rõ, các vấn đề đã giải quyết sẽ áp dụng với các đơn vị phân loại thấp hơn.

các loài sinh vật hoang dã khác; 2) hạn chế các hành vi buôn bán bất hợp pháp, trái phép³ và 3) cung cấp các giải pháp nhân đạo, hoặc tiếp tục nuôi nhốt các động vật này, hoặc thả chúng trở lại cuộc sống hoang dã hoặc áp dụng giải pháp mang lại cái chết không đau đớn cho những loài động vật này.

NHU CẦU

Tăng cường quy chế buôn bán động vật hoang dã và thực thi luật và quy chế đã giúp tăng số lượng động vật hoang dã còn sống bị các cơ quan chức năng tịch thu do làm trái với các quy định. Trong một số trường hợp, việc tịch thu là do buôn bán bất hợp pháp; trong một số trường hợp khác, thì các động vật bị tịch thu do những lỗi bất hợp lý khác. Trong một số trường hợp, số lượng động vật bị tịch thu rất nhỏ, nhưng trong một số trường hợp khác, số lượng bị tịch thu lại lên đến hàng trăm, thậm chí hơn. Số lượng bị tịch thu lớn, kèm theo đó là nhu cầu chăm sóc và trách nhiệm xử lý đã đặt ra những áp lực lớn cho các cơ quan chức năng, nhiều cơ quan chức năng thiếu nguồn nhân lực, tài chính và kỹ thuật để giải quyết tình hình một cách hợp lý.

Nhìn chung, tại nhiều quốc gia áp dụng giải pháp là tặng những động vật bị tịch thu⁴ cho vườn thú hoặc trại nuôi thủy sinh. Tuy nhiên, giải pháp này cũng đang tỏ ra kém hiệu quả. Các vườn thú và trại nuôi thủy sinh, nhìn chung, không thể có diện tích đủ nuôi một số lượng lớn các động vật sau nhiều đợt tịch thu. Ngoài những nguồn lực cần thiết để nuôi nhốt các động vật bị tịch thu, quản lý công tác kiểm dịch và các dịch vụ chăm sóc khác, các tổ chức này thường ít quan tâm đến các loài có số lượng quần thể lớn các loài động vật bị tịch thu. Cộng đồng vườn thú quốc tế đã nhận thấy rằng việc sắp xếp các loài động vật bảo tồn thấp trong không gian hạn chế có thể có ích cho các cá thể loài đó nhưng cũng có thể làm giảm nỗ lực bảo tồn nói chung. Do đó, họ đang ưu tiên tập trung mở rộng không gian chuồng trại (IUDZG/CBSG 1993), do đó giảm khả năng tiếp nhận các động vật bị tịch thu.

Hiện ngày càng có xu hướng giải quyết vấn đề xử lý các động vật bị tịch thu bằng cách thả chúng lại cuộc sống hoang dã. Trong một số trường hợp, thả các động vật bị tịch thu trở lại với các quần thể hoang dã hiện có sau khi đã đánh giá cẩn thận và đối chiếu với hướng dẫn chung hiện có (IUCN 1987, IUCN 1988). Trong những trường hợp khác, việc thả động vật về rừng chưa được lập kế hoạch cẩn thận và không phù hợp với mục tiêu chung về bảo tồn và những cân nhắc mang tính nhân đạo. Những động vật được thả trở lại những môi trường sống không phù hợp thường phải chịu đói hoặc chết do những nguyên nhân khác mà chúng không được trang bị hoặc không thể thích ứng. Ngoài những mối quan tâm nhân đạo, việc thả động vật trở lại cuộc sống hoang dã cũng làm giảm mạnh mẽ giá trị bảo tồn do đe dọa đến quần thể hoang dã vì những lý do dưới đây:

1. Những động vật được thả lại cuộc sống hoang dã vượt ngoài phạm vi sống tự nhiên có thể hoặc trở thành vật nuôi hoặc đối tượng xâm nhập, do đó đe dọa đến ngành nông nghiệp và các ngành khác, ảnh hưởng đến các loài bản địa, hải

³ Buôn bán một loài không hợp lệ, chẳng hạn, đề cập đến công việc giấy tờ chưa đầy đủ hoặc chưa hoàn thiện từ một quốc gia xuất khẩu hay bao bì kém chất lượng các động vật sống trong quá trình vận chuyển

⁴ Mặc dù không thảo luận tại đây, nhưng cũng cần hiểu rằng tùy thuộc vào chức năng quyền hạn của các cơ quan có liên quan, trước tiên các động vật bị bắt và sau đó chỉ bị tịch thu khi hoàn tất tất cả các thủ tục pháp lý về việc tước quyền sở hữu động vật trước đây

- hoà sinh thái mà chúng cấu thành nên. Tác động của các loài xâm nhập không biết rõ nguồn gốc chính là nguyên nhân chính gây ra tổn thất đa dạng sinh học toàn cầu
2. Các loài động vật bị tịch thu trước đây có thể nhanh chóng bị chiếm hữu bởi các cá thể khác và việc thả các động vật bị tịch thu có thể càng phá vỡ hệ sinh thái xã hội động vật.
 3. Dịch bệnh và thực vật ký sinh mà động vật tịch thu bị nuôi nhốt có thể dễ dàng gây bệnh cho các quần thể hoang dã hiện có nếu các loài động vật này được thả.
 4. Các cá thể được thả trở lại với các quần thể hiện có hoặc tại những địa điểm gần các khu dân cư, chúng không thuộc cùng một dòng giống hay phân loài trong quần thể hoang dã đó, thì sẽ gây ra sự pha tạp các dòng giống gen đặc trưng.
 5. Các động vật bị nuôi nhốt, đặc biệt các loài chưa đủ lớn, có thể bắt chước **chuỗi các hành vi** không phù hợp từ những cá thể loài khác, và/hoặc nói lủng lẳng các hành vi nhất định hoặc phát triển toàn bộ đầy đủ các hành vi cần thiết để sống sót trong điều kiện hoang dã. Cũng có khả năng việc thả các động vật đó về rừng có thể gây ra sự lai tạp giống giữa các loài, một vấn đề cần tránh;

Trong xu hướng ngày càng có nhu cầu – nhu cầu cấp thiết - về thông tin và tư vấn về các giải pháp cân nhắc xử lý các động vật bị tịch thu. Ngoài ra, có nhu cầu cấp thiết về chuyên môn kỹ thuật và hỗ trợ trong việc đánh giá công tác thú y, chăn nuôi và các vấn đề khác phải giải quyết trong giai đoạn này. Sau khi phát hiện ra vấn đề này, các bên liên quan đến Hiệp ước Quốc tế chống Buôn bán Động thực vật Hoang dã đang có nguy cơ tuyệt chủng (CITES) đã áp dụng hướng dẫn Xử lý các loài Thực vật bị tịch thu còn sống, bao gồm các Phụ lục (Nghị quyết Hội nghị 10.7), áp dụng cho cả động thực vật. Hướng dẫn IUCN này xây dựng và bổ xung dựa trên những hướng dẫn của CITES nhằm áp dụng rộng rãi hơn đối với động vật hoang dã và các đợt tịch thu.

Việc xử lý các động vật bị tịch thu không phải là một quá trình đơn giản hay dễ hiểu. Chỉ trong một số trường hợp hiếm gặp, đó sẽ là giải pháp tối ưu hay tạo ra một giải pháp có giá trị bảo tồn. Do đó, các giải pháp xử lý động vật bị tịch thu rất ít bị ảnh hưởng bởi nhận thức của người dân rằng việc thả động vật trở lại cuộc sống hoang dã là giải pháp tối ưu giúp bảo tồn trữ lượng động vật và bảo đảm công tác bảo tồn. Tuy nhiên, theo kết quả một công trình nghiên cứu ngày càng lớn về việc tái thiết lập các động vật bị nuôi nhốt, bản chất và động thái của dịch bệnh, bản chất và phạm vi của những vấn đề phát sinh liên quan đến các loài xâm nhập cho thấy những giải pháp đó có thể là những giải pháp kém phù hợp nhất vì nhiều lý do, bao gồm những lý do kể trên. Nhận định này đòi hỏi cân nhắc cẩn thận các giải pháp xử lý sẵn có cho các cơ quan chức năng.

GIẢI PHÁP QUẢN LÝ

Khi quyết định về việc xử lý các động vật bị tịch thu, cần đảm bảo đối xử nhân đạo với động vật bị tịch thu và bảo tồn số quần thể hoang dã hiện có. Các giải pháp xử lý động vật bị tịch thu được chia làm 3 nhiệm vụ chính 1) nuôi nhốt các cá thể; 2) thả các cá thể động vật trở lại cuộc sống hoang dã; và 3) giết động vật không gây đau đớn. Xét về mặt bảo tồn, vấn đề cân nhắc lớn nhất hiện nay trong việc rà soát các giải pháp xử lý động vật bị tịch thu chính là hiện trạng bảo tồn các loài đáng lo ngại. Trong trường hợp các

loài động vật này là các loài có nguy cơ tuyệt chủng hoặc bị đe dọa hoặc có giá trị bảo tồn cao⁵, cần tập trung đánh giá liệu các loài động vật này có giúp ích cho chương trình bảo tồn loài hay không, và nếu có thì ở mức độ nào. Chỉ có thể **xác định mức** chi phí, khó khăn trong việc thả các động vật trở lại cuộc sống hoang dã – một phần của công tác bảo tồn – (xem Phụ lục 5: c.f. IUCN 1998), chương trình quản lý và giải pháp nuôi nhốt cụ thể cho từng loài có giá trị bảo tồn cao. Cách thức làm thế nào để phân bổ nguồn lực cho một số lượng lớn các động vật ưu thế bị tịch thu là một trong các vấn đề chính sách cơ bản mà các cơ quan chức năng cần giải quyết.

Việc quyết định áp dụng giải pháp nào trong việc xử lý các động vật bị tịch thu sẽ tùy thuộc vào các yếu tố sinh học, kinh tế, xã hội và pháp lý khác nhau. Hy vọng “Sơ đồ Quyết định” nêu trong Hướng dẫn hiện hành sẽ giúp cân nhắc các giải pháp này. Cái sơ đồ hướng dẫn quyết định này được thiết kế để sử dụng cho các loài ưu thế và các loài bị đe dọa. Tuy nhiên, cần nhận thức rõ giá trị bảo tồn là một vấn đề cần cân nhắc trước tiên ảnh hưởng đến các giải pháp xử lý hiện có. Mạng lưới chuyên gia quốc tế như Nhóm Chuyên gia của **Ủy ban Bảo tồn loài của IUCN** (xem chi tiết liên lạc Phụ lục 3) có thể hỗ trợ các cơ quan chức năng cân nhắc cẩn thận giải pháp xử lý phù hợp các động vật bị tịch thu.

Trong một số trường hợp buôn bán quốc tế, có thể xảy ra nhu cầu trả lại cho quốc gia nơi xuất xứ các loài động vật này, đồng thời cơ quan chức năng của quốc gia đó có thể yêu cầu trả lại. CITES đã xây dựng hướng dẫn về vấn đề này thông qua Nghị quyết Đại hội 10.7. Cần lưu ý trong hoạt động thương mại rất khó để xác định nguồn gốc thực sự (quốc gia nơi xuất xứ các loài động vật) của nhiều loài. Ngoài ra, khi trả lại quốc gia nơi xuất xứ các loài bị tịch thu, quyết định xử lý cuối cùng đòi hỏi phải cân nhắc các giải pháp tương tự như đã nêu. Cần nỗ lực hợp tác để cân nhắc các giải pháp này nhằm bảo đảm sự trở về của các loài này được tiến hành đơn giản để giảm bớt gánh nặng xử lý vấn đề cho nước xuất xứ.

Giải pháp 1 – Nuôi nhốt

Các động vật bị tịch thu bị nuôi nhốt: có rất nhiều giải pháp duy trì sự sống cho những động vật này. Tùy thuộc vào tình hình và quy định chính sách hay pháp lý hiện hành, có thể hiến tặng, cho mượn hoặc bán cho các tổ chức cá nhân hay nhà nước, tổ chức thương mại hay phi thương mại, và cá nhân. Việc xử lý có thể thực hiện tại nước xuất xứ (hay xuất khẩu), nước tịch thu, hay một quốc gia có trang thiết bị đầy đủ và/hoặc chuyên dùng cho các loài hay động vật được đề cập đến. Nếu ủng hộ giải pháp thả động vật về rừng hoặc giết không gây đau đớn, thì hai giải pháp này phải đáp ứng các điều kiện nhân đạo và bảo đảm chăm sóc hợp lý các động vật sống. Các vườn thú và trại nuôi thủy sinh là những nơi nuôi nhốt động vật phổ biến nhất. Tuy nhiên, những tổ chức này nhìn chung ít có thiện ý và sẵn sàng tiếp nhận những động vật này so với những gì họ đảm bảo. Vì hầu hết các động vật bị tịch thu là các loài ưu thế, nên cần xem xét nhiều giải pháp nuôi giữ. Ngoài giải pháp nuôi nhốt tại vườn bách thú và trạm nuôi thủy sinh, cần cân nhắc các giải pháp dưới đây:

- **Trung tâm cứu hộ**, được xây dựng để điều trị các động vật bị thương hay bị tịch thu
- **Trung tâm chăm sóc động vật** có chức năng chăm sóc các động vật bị tịch thu;

⁵ Cần xác định rõ “giá trị bảo tồn” không phải lúc nào cũng dễ đánh giá và có thể là chức năng loài ở cấp quốc gia, khu vực hay quốc tế (chẳng hạn, danh mục các loài bị đe dọa của IUCN)

- **Cộng đồng hay câu lạc bộ chuyên gia** với chức năng nghiên cứu và chăm sóc từng loài hay nhóm loài (động vật bò sát, động vật có vú và các loài chim) đã tạo ra cơ sở xử lý các động vật bị tịch thu nhờ thu xếp với các cộng đồng hay từng thành viên của cộng đồng này;
- **Các tổ chức nhân đạo** được thành lập để chăm sóc và tìm kiếm chủ sở hữu cho các động vật bị bỏ rơi có thể đóng vai trò hỗ trợ thu xếp với các cá nhân có khả năng chăm sóc các động vật bị tịch thu cho tới khi chúng chết.
- **Các tổ chức nhân giống thương mại** có thể sẵn lòng tiếp nhận, chăm sóc các loài động vật cũng như lồng ghép chúng vào các hoạt động lai tạo giống các động vật. Các tổ chức này, mặc dù về bản chất là các tổ chức thương mại, nhưng có chuyên môn kỹ thuật và nhiều nguồn lực khác để chăm sóc các loài này. Ngoài ra, việc sản xuất các động vật nhờ lai giống các loài bị nhốt có thể làm hạn chế nhu cầu động vật hoang dã.
- **Tổ chức nghiên cứu** có thể tiếp tục thu thập các động vật ngoại lai cho nhiều loại nghiên cứu (chẳng hạn như nghiên cứu về hành vi, sinh thái, tâm sinh lý, y tế và thú y). Một số chương trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến công tác bảo tồn; trong một số trường hợp, thái độ giải phẫu sống hay sử dụng các loài động vật bị nuôi nhốt trong các chương trình nghiên cứu của mỗi nước khác nhau và thậm chí cả ngay trong cùng một quốc gia. Những thái độ này có thể tác động đến việc coi các chương trình này là giải pháp cho các động vật bị tịch thu. Tuy nhiên, cần lưu ý việc chuyển giao cho các đơn vị thực hành nghiên cứu trong điều kiện nhân đạo có thể tạo ra một giải pháp – và thực tế có thể cuối cùng góp phần cung cấp thông tin có liên quan đến bảo tồn loài.

Việc lựa chọn một trong các giải pháp này sẽ tùy thuộc vào giá trị bảo tồn của loài này, điều kiện của loài động vật, tình hình buôn bán các loài và các yếu tố khác. Theo quy luật chung, nếu các loài động vật bị tịch thu có giá trị bảo tồn cao, cần cố gắng thu xếp nơi nuôi giữ nhằm đảm bảo nỗ lực bảo tồn sẵn có trong một thời gian dài, chẳng hạn như thực hiện các chương trình nghiên cứu tại vườn bách thú hay thành lập cơ sở lai giống các động vật bị nuôi nhốt.

Nuôi nhốt – để bán, cho mượn hoặc hiến tặng

Các động vật có thể được sắp xếp với một tổ chức hoặc cá nhân theo nhiều cách. Cần cân nhắc hai vấn đề: quyền sở hữu động vật này và/hoặc nguồn giống gen, đồng thời thanh toán tất cả các khoản phí chuyển quyền sở hữu. Các cơ quan chức năng và cá nhân hay tổ chức liên quan đến việc xử lý động vật hoang dã bị tịch thu phải làm rõ quyền sở hữu, bao gồm cả loài được chuyển quyền sở hữu cùng với nguồn giống gen. Chúng cũng phải cân nhắc khả năng thanh toán các khoản phí liên quan đến nhận thức của người dân đồng thời đạt được mục tiêu tịch thu, hoặc là phạt và, nếu làm như vậy, hạn chế được hoạt động buôn bán trái phép. Những điểm dưới đây cần cân nhắc:

Chuyển quyền sở hữu/quyền nuôi dưỡng: trừ phi áp dụng các điều khoản pháp lý cụ thể, cơ quan chức năng cần cân nhắc các điều kiện trong thoả thuận chuyển quyền sử dụng hay quyền nuôi dưỡng chẳng hạn như hạn chế sử dụng (như chỉ dùng cho trưng bày, giáo dục, lai giống, thương mại hoặc phi thương mại), căn cứ vào đó tiến hành chuyển quyền. Những thoả thuận như vậy có thể bao gồm các điều kiện dưới đây:

- chuyển quyền sở hữu hay quyền nuôi dưỡng liên tục
- những thay đổi trong hình thức sử dụng các động vật này của người chủ mới hoặc người nuôi mới;

- hậu quả của việc chuyển quyền sở hữu hoặc nuôi dưỡng cho người mới

Thanh toán các khoản phí. Có thể có trường hợp có đơn vị sẵn lòng đứng tiếp nhận và cam kết chăm sóc các động vật bị tịch thu với điều kiện cơ quan chức năng phải thanh toán các khoản chi phí này. Trong nhiều trường hợp, cơ quan chức năng thường tìm cách tự bù đắp chi phí chăm sóc các động vật này trước khi thực hiện giải pháp thanh toán chi phí cho việc chuyển quyền sở hữu. Việc thanh toán này còn gặp nhiều khó khăn vì những lý do dưới đây:

- có thể hạn chế tác động tịch thu như là một giải pháp
- có thể có nguy cơ khiến người dân có nhận thức rằng cơ quan chức năng đang duy trì hoặc đang thu lợi từ hoạt động thương mại bất hợp pháp hoặc
- tùy thuộc vào mức phí đã đề xuất nó có thể hạn chế việc tìm ra giải pháp phù hợp nuôi nhốt các động vật này. Các quan chức cần công khai điều kiện, trong trường hợp đã chuyển quyền sở hữu các động vật bị tịch thu và, nếu cần, làm cơ sở thanh toán có liên quan.

Nuôi nhốt – Lợi ích

Ngoài việc tránh các rủi ro phát sinh từ nỗ lực thả các động vật này trở lại cuộc sống hoang dã, có một số lợi ích từ việc nuôi nhốt các động vật bị tịch thu tại một cơ sở chăm sóc chúng trong điều kiện nhân đạo cho tới khi chúng chết. Những lợi ích đó bao gồm:

- a) giá trị giáo dục, có thể dùng để trưng bày hay sử dụng cho mục đích khác;
- b) hài lòng khi ngày càng có nhiều cơ hội cứu sống các động vật hoang dã;
- c) tiềm năng sử dụng các động vật này trong các chương trình lai giống các động vật bị nhốt để thay thế các động vật hoang dã bị bắt để kinh doanh
- d) tiềm năng lai giống các động vật bị nhốt phục vụ các chương trình tái thiết loài hoặc các chương trình bảo tồn khác; và
- e) tiềm năng sử dụng trong công tác bảo tồn và các chương trình nghiên cứu giá trị khác.

Nuôi nhốt – các vấn đề quan tâm

Việc nuôi nhốt các động vật bị tịch thu đặt ra các mối lo ngại dưới đây:

A) DỊCH BỆNH. Các loài động vật bị tịch thu có thể là những nguyên nhân chính gây ra bệnh, chúng có thể ảnh hưởng đến những loài cùng loài và các loài khác. Vì nhiều dịch bệnh không thể kiểm soát được, thậm chí những biện pháp kiểm dịch nghiêm ngặt nhất và rà soát dịch bệnh trên phạm vi rộng nhất cũng không thể đảm bảo hoàn toàn miễn dịch. Trong trường hợp kiểm dịch không thể đảm bảo rằng từng cá thể có thể miễn dịch bệnh, thì cần tiến hành cách ly trong một thời gian nhất định hoặc áp dụng giải pháp giết động vật không gây đau đớn.

B) ĐỘNG VẬT BỊ NUÔI NHỐT NGOÀI KHU VỰC CỦA CHÚNG CÓ THỂ TRÓN THOÁT khỏi nơi bị nhốt và trở thành vật nuôi hoặc đối tượng xâm nhập. Các loài ngoại lai được lai tạo không chủ định đã trở thành những kẻ đột nhập tại nhiều quốc gia, gây ra những thiệt hại khủng khiếp cho nông nghiệp, ngư nghiệp và vận tải, ngoài ra cũng gây thiệt hại cho quần thể các loài động vật bản địa. Việc suy giảm số lượng chồn nguồn gốc Châu Âu (*Mustela lutreola*), nêu trong danh mục IUCN các loài bị đe dọa tuyệt chủng, một phần là

do có sự cạnh tranh từ các loài chồn có nguồn gốc Châu Mỹ (*Mustela vison*) trốn thoát từ các trang trại nuôi lông thú, đồng thời sự cạnh tranh của các loài rùa tuyết tai đỏ có nguồn gốc Bắc Mỹ (*Trachemys scripta elegans*), ban đầu nhập khẩu làm vật nuôi, đã ngày càng ảnh hưởng tiêu cực đến các loài rùa nước ngọt có nguồn gốc Châu Âu và Châu Á

C) CHI PHÍ XỬ LÝ. Cung cấp chỗ ở, kiểm dịch và những chăm sóc khác cho các động vật bị tịch thu có thể rất tốn kém, do đó khó có thể xác định các tổ chức và cá nhân sẵn lòng gánh vác những chi phí này

D) KHẢ NĂNG KHUYẾN KHÍCH KINH DOANH KHÔNG MONG MUỐN. Như đã thảo luận ở trên, việc chuyển quyền sở hữu các động vật bị tịch thu cho các cá nhân và tổ chức hiện vẫn là một vấn đề khó khăn cần xem xét liệu việc chuyển quyền này có liên quan đến vấn đề nợ, hiến tặng hay kinh doanh. Một số lập luận rằng liệu việc chuyển quyền sở hữu - kể cả động vật mang tính thương mại và phi thương mại - có thể thúc đẩy nhu cầu thị trường và đẩy các cơ quan chức năng đến hành vi liên quan đến hoạt động buôn bán bất hợp pháp. Phải so sánh giữa rủi ro và lợi ích, đặc biệt là nuôi nhốt, thả thả động vật về rừng hay giải pháp giết động vật không gây đau đớn. Cần xem xét một số yếu tố dưới đây để đánh giá mức độ chuyển quyền sở hữu - và kinh doanh - có thể làm khuyến khích hoạt động buôn bán không mong muốn:

1. liệu có sẵn có một số lượng lớn các động vật đề cập ở đây cho hoạt động buôn bán hợp pháp tại quốc gia tịch thu; và
2. theo lập luận ủng hộ liệu nếu các thương nhân kinh doanh động vật hoang dã bị kết tội là tòng phạm liên đới đến hoạt động kinh doanh động vật hoang dã bất hợp pháp, thì liệu có thể hạn chế tình trạng mua bán động vật hoang dã.
3. giá trị tiền tệ/thương mại của những loài động vật này

Liên quan đến câu hỏi thứ hai, cần lưu ý rằng kinh nghiệm buôn bán các động vật bị tịch thu cho thấy gần như không thể đảm bảo rằng các nhà kinh doanh thương mại bị nghi dính líu hoặc đã dính líu vào hoạt động thương mại bất hợp pháp, sẽ bị loại trừ, trực tiếp hoặc gián tiếp, ra khỏi hoạt động mua bán động vật bị tịch thu;

Trong nhiều trường hợp cụ thể, việc chuyển giao cho các cơ sở lai tạo giống thương mại các động vật bị nuôi nhốt có thể có khả năng bảo tồn loài, hoặc trừ lượng cá thể rõ rệt hơn giải pháp xử lý phi thương mại hay giải pháp giết động vật không gây đau đớn. Đối với các loài ưu thế, các cơ sở lai tạo giống có thể sẽ là giải pháp đặc biệt hấp dẫn; đối với các loài có giá trị bảo tồn cao, cần đánh giá cẩn thận giải pháp này. Có thể có nguy cơ khuyến khích nhu cầu từ các quần thể hoang dã do ngày càng sẵn có các loài này, đồng thời khó có thể đảm bảo tiếp cận các loài này cho các hoạt động bảo tồn sau này.

Giải pháp 2 – Thả động vật về rừng

Do có thể có những rủi ro nghiêm trọng tác động các quần thể động vật hoang dã, nên giải pháp thả động vật bị tịch thu trở lại cuộc sống hoang dã chỉ được coi là giải pháp mong muốn trong rất ít các trường hợp và tùy thuộc vào tình hình hết sức cụ thể. Hướng dẫn Tái thiết loài của IUCN (IUCN 1998, xem phụ lục 4) phân biệt rõ ràng các giải pháp thả động vật về rừng nhằm đáp ứng các mục tiêu bảo tồn, đồng thời thảo luận mục đích, lý do và các quy trình liên quan đến các giải pháp này.

Hướng dẫn hiện nay không xem giải pháp thả động vật về rừng là khả thi, ngoại trừ theo Hướng dẫn **Tái thiết loài của IUCN. Các chương trình lập kế hoạch và**

thực hiện thả động vật hay giúp động vật hội nhập trở lại cuộc sống hoang dã còn yếu kém nên chẳng hơn gì là việc đem vớt bỏ các động vật này vào rừng, ngoài ra cần phải đối kích liệt công tác bảo tồn và trên cơ sở nhân đạo.

A) **Tái thiết lập:** là nỗ lực thiết lập một quần thể trên diện tích là một phần phạm vi sống tự nhiên của những loài đã trở nên tuyệt chủng.

Một số chương tái thiết các loài đã tuyệt chủng được nhiều người biết đến như loài nai Père David, linh dương Ả rập (*Oryx leucoryx*). Các chương trình tái thiết khác bao gồm các loài từng tồn tại trong một số vùng thuộc phạm vi sống trước đây nhưng đã bị tiêu diệt bởi các loài khác; mục tiêu của các chương trình này nhằm tái thiết lại quần thể trên một diện tích hay một vùng nơi mà các loài này bị biến mất. Ví dụ về một trường hợp tái thiết lập là gần đây đã thiết lập lại loài cáo thằn lằn *Vulpes velox* tại Canada.

B) **Tăng cường quần thể hiện có** (hay còn gọi là Bổ xung quần thể hiện có) là việc bổ xung thêm các cá thể vào quần thể cùng loài hiện có.

Giải pháp tăng cường có thể là công cụ bảo tồn có tác dụng mạnh khi quần thể tự nhiên bị thu hẹp bởi một quá trình có thể đảo ngược, ít nhất về mặt lý thuyết. Một trong số một vài dự án tăng cường thành công đó là dự án sư tử vàng tamarin (*Leontopithecus rosalia*) tại Braxin. Tồn thất môi trường sống kết hợp với việc bắt giữ động vật sống làm vật nuôi trong nhà đã làm suy giảm nhanh chóng số lượng loài sư tử vàng tamarin. Khi số lượng loài tăng, đồng thời hạn chế tệ nạn săn bắt, buôn bán, thì những chú sư tử vàng bị tịch thu này sẽ được dùng để bổ xung các quần thể hoang dã đã bị cạn kiệt.

Trong khuôn khổ các chương trình phục hồi giải pháp tăng cường luôn được tích cực theo đuổi, chẳng hạn như khi các cá thể động vật bị thương sẽ được chăm sóc thú y và sau đó được thả ra. Những hoạt động như vậy phổ biến tại nhiều quốc gia, đồng thời có các chương trình cụ thể cho rất nhiều loài như các loài nhím và chim săn mồi. Tuy nhiên, vì là một hoạt động phổ biến, giải pháp tăng cường cũng mang theo một chút rủi ro, đó là các cá thể bị nhốt, thậm chí tạm thời, là những nguyên nhân lớn đối với thực trạng lây lan dịch bệnh và các vi sinh vật lây nhiễm cho các quần thể hoang dã.

Do phải tính đến dịch bệnh và các rủi ro khác đối với quần thể hoang dã cũng như cần chi phí sàng lọc và theo dõi sau khi thả động vật về rừng, nên chỉ áp dụng giải pháp tăng cường trong trường hợp có lợi ích bảo tồn hiệu quả trực tiếp (về mặt số lượng cá thể loài và/hoặc nguồn gen, và/hoặc nâng cao nhận thức của người dân về công tác bảo tồn hay ít nhất trong trường hợp so sánh giữa lợi ích dự đoán với những rủi ro này.

C) **Thiết lập khu bảo tồn** (Thiết lập khu bảo tồn hưởng lợi): nỗ lực thiết lập loài, vì mục đích bảo tồn, bên ngoài vùng phân bố đã được ghi nhận nhưng bên trong môi trường sống và vùng địa lý sinh thái phù hợp. Đây là công cụ bảo tồn khả thi chỉ khi không còn sót lại diện tích nào trong phạm vi sinh sống trước đây của loài này. Công cụ bảo tồn này đã được nhân rộng tại New Zealand nơi mà nhiều loài chim có nguy cơ tuyệt chủng đã được chuyển sang các đảo ngoài khơi gần nhưng không thuộc phạm vi sinh sống ban đầu của chúng. Thiết lập khu bảo tồn cũng có thể là một hợp phần của một chương trình tái thiết lại quần thể quy mô lớn hơn, chẳng hạn như lai tạo giống sói đỏ (*Canis rufus*) trên hòn đảo bên ngoài phạm vi sinh sống tự nhiên của chúng và sau đó di chuyển chúng vào khu vực đất liền.

Giải pháp thả động vật về rừng - Lợi ích

Giải pháp thả động vật về rừng có một số lợi ích, đó là cung cấp dịch vụ thú y, nguồn gen và các giải pháp sàng lọc khác, và xây dựng các chương trình theo dõi sau khi thả về rừng (theo IUCN 1998)

a) trong trường hợp quần thể hiện có bị đe dọa nghiêm trọng, thì việc tái thiết lại có thể nâng cao tiềm năng bảo tồn lâu dài các loài nói chung hoặc quần thể loài địa phương (e.g., sư tử vàng).

b) Thả động vật về rừng sẽ đặt ra một vấn đề giáo dục/chính trị liên quan đến số phận của các loài động vật và có thể tăng cường giá trị bảo tồn địa phương. Tuy nhiên, vì là một phần của chương trình giáo dục nâng cao nhận thức người dân, nên phải lưu ý đến vấn đề chi phí và khó khăn của giải pháp này

c) Các loài được trở lại cuộc sống hoang dã có cơ hội tiếp tục đóng vai trò sinh học và sinh thái.

Thả động vật về rừng – Các vấn đề quan tâm

Như đã đề cập ở phần trên, do có những rủi ro về lấn chiếm sinh học, theo đề cương hướng dẫn này, đây không phải là một biện pháp khả thi nếu để động vật quay trở lại với cuộc sống hoang dã ngoài sự xấp xếp tự nhiên của chúng trong bất kỳ trường hợp nào, ngoại trừ những trường hợp hết sức đặc biệt. Trước khi để động vật bị tịch thu quay trở lại với môi trường hoang dã (theo IUCN 1998), cần xem xét và tính đến một số các vấn đề liên quan như: tình trạng sức khỏe, giá trị bảo tồn, chi phí và bệnh dịch.

A) TÌNH TRẠNG SỨC KHỎE. Trong khi một số ý kiến cho rằng thả động vật trở lại với môi trường hoang dã là mang tính nhân đạo cao nhưng một số dự án với nhận thức chưa đầy đủ có thể thả động vật trở lại môi trường hoang dã và sau đó thì chúng sẽ bị chết vì đói hoặc không thích nghi được với môi trường lạ. Các hoạt động mang tính nhân đạo đòi hỏi phải nghiên cứu toàn diện và có kế hoạch cẩn thận khi thả động vật bị tịch thu về rừng. Các dự án được thành lập sau này cũng yêu cầu có những cam kết lâu dài trong việc giám sát sự sinh tồn của những con vật được thả lại rừng.

Để có thể xem xét nghiêm túc các vấn đề về sức khỏe khi thả động vật về rừng, một số ý kiến cho rằng tiềm năng sống sót của những con vật được thả vào rừng ít nhất phải bằng tiềm năng sống của những con vật trong rừng cùng giới tính và cùng độ tuổi. Cần xem xét một cách nghiêm túc về tình trạng sức khỏe của động vật khi được thả về rừng. Trên thực tế, khó có thể có số liệu về số lượng các loài động vật hoang dã, do vậy cần phải thực hiện các hoạt động mang tính nhân đạo khi thả động vật bị tịch thu về rừng và cần triển khai đánh giá về tiềm năng sinh tồn của động vật để xác định những rủi ro liên quan.

B) GIÁ TRỊ BẢO TỒN VÀ CHI PHÍ. Ở những trường hợp trong đó việc thả động vật về rừng được coi là giải pháp nhân đạo nhất thì chỉ có thể thực hiện nếu điều đó không đe dọa đến quần thể động vật cùng loài hoặc quần thể của các loài tương tác khác cũng như tính đồng bộ sinh thái trong khu vực chúng sinh sống. Việc bảo tồn các loài động vật nói chung và các loài khác đang sống tự do nói riêng phải được ưu tiên quan tâm thực hiện trước khi tính đến tình trạng sức khỏe của các loài động vật nuôi nhốt.

Trước khi động vật được đưa vào là đối tượng của các chương trình củng cố quần thể hoặc hình thành quần thể mới, cần xác định rằng việc thả động vật về rừng sẽ đóng góp vai trò đặc biệt đối với việc bảo tồn các loài, hoặc quần thể của các loài tương tác khác,

hoặc điều đó sẽ phục vụ mục đích trực tiếp liên quan đến bảo tồn và quản lý các loài hoặc hệ sinh thái liên quan. Chỉ cần dựa trên các yếu tố về quần thể và loài động vật. Những quần thể lớn ít có xu hướng bị kiệt chủng và vì vậy việc củng cố những quần thể động vật rất nhỏ sẽ có thể giảm khả năng kiệt chủng của chúng. Trong những quần thể nhỏ, hiện tượng thiếu con đực hoặc con cái có thể dẫn đến tình trạng giảm tăng trưởng hoặc giảm số lượng và vì vậy, việc phục hồi, củng cố các quần thể nhỏ (thiếu con đực hoặc con cái) cũng góp phần cải thiện tiềm năng sinh tồn của quần thể đó. Tuy nhiên, các yếu tố về gien và hành vi cũng như khả năng phát bệnh dịch cũng đóng vai trò quan trọng trong việc xác định khả năng sinh tồn lâu dài của một quần thể. Lợi ích tiềm năng mang lại từ các chương trình này rõ ràng là cần phải lớn hơn so với những rủi ro có thể gặp phải.

Có thể bị cấm nếu thả động vật về rừng chỉ vì trách nhiệm vì chỉ nên thực hiện giải pháp này khi động vật đó có giá trị bảo tồn cao. Ngoại trừ trường hợp trong đó động vật tịch thu không có giá trị bảo tồn cao nhưng có các điều kiện thuận lợi như môi trường, phương pháp kỹ thuật và các nguồn lực để đảm bảo thả động vật về rừng an toàn và phù hợp với hướng dẫn bảo tồn (ví dụ: IUCN, 1998)

C) BỆNH DỊCH. Động vật bị nhốt và/hoặc vận chuyển, thậm chí trong thời gian ngắn cũng có thể bị nhiễm nhiều mầm bệnh. Việc thả những loài động vật này vào rừng có thể dẫn đến hiện tượng mang bệnh dịch cho các con cùng loài hoặc các loài không liên quan với những tác động thảm họa. Thậm chí, nếu chỉ có rủi ro không đáng kể về khả năng trong đó động vật tịch thu đã bị nhiễm nguồn bệnh ở bên ngoài nhưng khả năng truyền bệnh trong các loài động vật hoang dã thường rất lớn đến mức nó có thể ngăn cản việc quay trở lại môi trường tự nhiên của các loài động vật bị tịch thu.

Việc thả động vật đã bị nhốt về rừng mang tính rủi ro rất cao. Động vật đã bị nhốt thường có xu hướng bị nhiễm dịch bệnh. Thực tế cho thấy có thể kiểm tra các loại bệnh dịch nhưng có nhiều loại bệnh dịch động vật thì không hiện chưa có các biện pháp kiểm tra. Hơn nữa, động vật bị nhốt thường có nguy cơ mắc những bệnh dịch mà không bao giờ xuất hiện trong môi trường sinh sống tự nhiên của chúng. Với quan điểm cho rằng các loài động vật thuộc đối tượng di chuyển thì chỉ mắc một số bệnh dịch nhất định, các cán bộ thu y và kiểm dịch có thể không kiểm tra để phát hiện những bệnh dịch có thể bị nhiễm trong giai đoạn nuôi nhốt. Tuy nhiên, cần cho rằng mọi bệnh dịch đều có khả năng lây nhiễm cao.

Để đánh giá khả năng nhiễm bệnh, có thể xem xét các mối quan hệ buôn bán, trao đổi thương mại, bao gồm:

- a) thời gian và khoảng cách từ điểm bị bắt; các bước giao dịch, liên hệ buôn bán và hình thức vận chuyển;
- b) xem xét liệu động vật đã được nhốt hoặc vận chuyển là những loài ở gần với môi trường hoang không? Những động vật đã được thuần hóa cùng loài hoặc khác loài? Và những động vật đó thường mắc phải những bệnh dịch gì?

D) NGUỒN GỐC LOÀI. Nếu không biết nguồn gốc chính xác của động vật bị tịch thu (chúng có thể đến từ các vùng khác nhau), hoặc nếu có vấn đề gì cần làm rõ thêm về nguồn động vật, nguồn thông tin bổ sung có thể vô tình dẫn đến sự xáo trộn các loài gien đặc biệt hoặc tiểu loài. Nếu các loài và tiểu loài bản địa nào đó thể hiện có sự thích nghi đặc biệt đối với môi trường sinh sống ban đầu, thì việc để các cá thể của các loài

hoặc tiểu loài khác sống chung trong cùng môi trường có thể dẫn đến những tổn thất đối với quần thể bản địa. Khi không có thông tin về nguồn gốc, môi sinh cũng như yêu cầu sinh thái của các loài động vật thì việc đưa các cá thể và các loài vào sống trong hình thức môi sinh không phù hợp có thể làm chúng chết.

Với giả thiết cho rằng khi thả bất cứ một cá thể nào về rừng cũng sẽ có những rủi ro nhất định, chúng ta cần áp dụng “nguyên tắc cần trọng” sau đây: ***nếu việc thả động vật bị tịch thu về rừng không có giá trị bảo tồn hoặc không được thực hiện trong khuôn khổ các chương trình quản lý phù hợp với hướng dẫn bảo tồn, (sẽ có khả năng vô tình đưa bệnh dịch, tạo ra những biểu hiện khác thường về hành vi và nguồn gien vào môi trường mà trước đây những chưa hề có) thì cần loại bỏ giải pháp thả động vật về rừng nếu như đơn thuần chỉ là đặt chúng trong rừng.***

Giải pháp 3 – Euthanasia

Euthanasia – giết động vật theo hướng dẫn mang tính nhân đạo – là một giải pháp hiện đang được áp dụng để duy trì động vật nuôi nhốt hoặc thả chúng về với môi trường hoang dã. Mặc dù, có thể có những biểu hiện, tình trạng khác thường khi áp dụng phương pháp euthanasia, nhưng theo khái niệm đã được xác định thì nó mang tính nhân đạo và hoàn toàn phù hợp với các vấn đề có liên quan đến bảo tồn và các vấn đề về động vật. Trong nhiều trường hợp, đó có thể là giải pháp có tính khả thi cao nhất về giá trị bảo tồn, nhân đạo cũng như kinh tế và hợp lý. Đối với các cơ quan chức năng tịch thu động vật thì euthanasia không thể là một giải pháp phổ biến để xử lý, giải quyết động vật bị tịch thu. Tuy nhiên, cũng không thể nói quá lên rằng đó có thể là một giải pháp mang tính trách nhiệm nhất. Trong nhiều trường hợp, cơ quan chức năng tịch thu động vật sống sẽ gặp phải một số tình huống sau:

a) Trong giai đoạn kinh doanh hoặc trong khi bị nhốt, động vật thường mắc bệnh kinh niên khó có thể chữa khỏi và vì vậy tạo rủi ro cho các động vật khác cho dù bị nhốt hay thả về môi trường hoang dã.

b) Vì không biết nguồn gốc ban đầu của động vật, có thể có những bằng chứng cho thấy có sự các nhau về gien hoặc về các yếu tố khác giữa động vật cũng như giả thuyết về động vật cùng loài. Điều đó có thể dẫn đến tình trạng để các loài hoang dã và các loài bị nhốt sống chung với nhau, kể cả những loài phục vụ cho mục đích chăn nuôi, nghiên cứu, bảo tồn, vv.

c) Không có đủ nguồn lực để thả động vật về môi trường hoang dã theo các hướng dẫn sinh học (e.g., IUCN 1998) và động vật (e.g., Học viện Quốc tế về khoa học sức khỏe 1992).

d) Không có giải pháp khả thi để duy trì động vật bị nhốt. Trong trường hợp này, euthanasia có thể là giải pháp mang tính trách nhiệm duy nhất và vì vậy, cần được áp dụng.

Euthanasia—Lợi ích

a) Việc áp dụng giải pháp euthanasia để bảo tồn các loài đang thuộc đối tượng di chuyển, hoặc bị nuôi nhốt và quần thể động vật hoang dã tạo ra ít rủi ro hơn (ví dụ.

bệnh dịch, ô nhiễm gen, lấn chiếm sinh học) so với giải pháp duy trì động vật bằng cách nuôi nhốt hoặc thả về rừng.

b) Euthanasia có thể là giải pháp tốt nhất (duy nhất) để giải quyết vấn đề cụ thể liên quan đến động vật bị tịch thu. Nhiều trường hợp cho thấy khả năng duy trì động vật bị nhốt có thể không đảm bảo được cuộc sống của động vật trong thời gian dài, và tiềm năng sinh tồn của động vật được thả về rừng thường không cao vì phụ thuộc vào từng hoàn cảnh cụ thể, những con vật đó thường chết vì đói, bệnh dịch hoặc bị ăn thịt.

c) Việc áp dụng biện pháp Euthanasia thường hạn chế tình trạng tăng các trường hợp tịch thu động vật, vì động vật thuộc đối tượng di chuyển hoàn toàn bị mất để phục vụ mục đích kinh doanh và không có cơ hội được các thương nhân khôi phục lại. Điều đó làm giảm tiềm năng kiếm lời qua buôn bán trái phép. Hơn nữa, euthanasia có thể hạn chế tình trạng buôn bán động vật thông qua giáo dục công chúng và các ngành khác về các vấn đề phức tạp và nghiêm trọng có thể phát sinh từ việc buôn bán động vật sống.

d) Việc lựa chọn biện pháp euthanasia chứ không phải biện pháp duy trì bằng cách nhốt hoặc thả về rừng đã tạo cơ hội cho các cơ quan có chức năng tịch thu động vật và các cơ quan khác giáo dục công chúng về các vấn đề bảo tồn, gồm những vấn đề liên quan đến các loài bị xâm chiếm và các tác động tiêu cực có thể phát sinh trong trường hợp thả động vật về rừng mà chưa có đầy đủ các biện pháp hỗ trợ. Khi nhận thức công chúng được nâng cao, có thể tạo ra các ý tưởng mới để giải quyết các động vật bị tịch thu.

e) Euthanasia có thể là một biện pháp ít tốn kém hơn so với các giải pháp khác. Và vì vậy, nó không thu hút các nguồn nhân lực và tài chính mà có thể được đầu tư cho các hoạt động bảo tồn hoặc các hoạt động liên quan khác như di chuyển động vật, chăm sóc các động vật khác hoặc bảo tồn các loài động vật đang bị đe dọa trên thế giới.

Khi động vật được áp dụng biện pháp euthanize hoặc bị chết trong thời kỳ nuôi nhốt, cần sử dụng tối đa các mẫu động vật chết để phục vụ mục đích khoa học, như đặt chúng vào phòng trưng bày, tham khảo ở trường đại học hoặc viện nghiên cứu, những nơi rất quan trọng để nghiên cứu đa dạng sinh học, nghiên cứu bộ phận cơ thể động vật hoặc các nghiên cứu khác.

Euthansia- Rủi ro

A) Việc áp dụng phương pháp euthanasia có tác động tích cực mang tính giáo dục, tuy nhiên nó cũng làm cho các cơ quan chức năng có quan điểm y lại chỉ thực hiện biện pháp này chứ không áp dụng các biện pháp khác. Trong hoàn cảnh đó, cần phải tiên liệu trước những quan điểm phản đối, phê phán và đưa ra những lý do, cơ sở thuyết phục để chứng minh quyết định sử dụng phương pháp euthanize.

B) Có thể bị mất đi những hành vi duy nhất, nguồn gen và đặc tính sinh thái của từng cá thể hoặc nhóm các cá thể thể đại diện cho sự thay đổi trong một loài và giá trị bảo tồn của các loài.

Hình thành khung khuôn khổ cần thiết

Để giúp các cơ quan chức năng tịch thu động vật sau này giải quyết các khó khăn về hậu cần, cơ sở pháp lý và các vấn đề khác từ việc tịch thu động vật. Để tịch thu động vật và thực hiện các biện pháp giải quyết theo trách nhiệm thông qua 3 giải pháp trên, cần xây dựng một khung chính sách tổng thể và các quy trình cụ thể sau:

- Xác định cán bộ chức năng, thẩm quyền và trách nhiệm liên quan đến tịch thu động vật và giải quyết di chuyển động vật hoang dã;
- Xác định hoặc cung cấp cơ sở để hình thành các cơ sở tiếp nhận và khi cần thiết, thẩm định, bắt giữ và nhốt động vật cho đến khi đưa ra quyết định giải quyết;
- Xác định các cơ quan quốc doanh và ngoài quốc doanh và các chuyên gia có thể giúp xác định, chăm sóc và sàng lọc động vật bị thu giữ, tịch thu và giúp đưa ra quyết định áp dụng các biện pháp thích hợp;
- Xác định các cơ quan, ban ngành, cá nhân, tổ chức quần chúng có thể hỗ trợ cơ quan chức năng tịch thu động vật trong việc sắp xếp, đưa ra quyết định về giải pháp giải xử lý động vật bị tịch thu (bao gồm giải pháp nhân đạo euthanasia) hoặc có thể tiếp nhận động vật bị tịch thu đó;
- Bổ sung thêm chi tiết và cung cấp thông tin để thực hiện các hướng dẫn đề cập trên liên quan đến các điều khoản quy định và pháp lý cũng như các thủ tục hành chính về chuyển giao mối quan hệ sở hữu (bao gồm cả bán) động vật bị tịch thu, chăm sóc ngắn hạn (sau khi bắt) và dài hạn (sau tịch thu), mức phí và các khoản chi trả để chăm sóc động vật bị tịch thu, các yêu cầu cần thiết khác để đảm bảo động vật hoang dã bị tịch thu được giải quyết hợp lý xét về mục tiêu duy trì và bảo tồn.
- Xây dựng và thực hiện các chính sách về giải quyết động vật hoang dã bị tịch thu, thực hiện các bước cần thiết để đảm bảo các đối tượng thực hiện được trang bị đầy đủ nguồn lực cần thiết để thực hiện chính sách.

Phân tích cây quyết định

Để ra quyết định giải quyết các vấn đề về “thả động vật về rừng” và “các giải pháp nuôi nhốt”, cơ quan tịch thu động vật cần đưa ra các câu hỏi sau đây:

Câu hỏi 1: Liệu việc “thả động vật về rừng” có đóng góp đáng kể cho mục đích bảo tồn loài hay không? Có chương trình quản lý nào có đủ nguồn lực để có thể thả động vật về rừng theo hướng dẫn của IUCN không?

Yếu tố quan trọng nhất khi ra quyết định về nơi sinh sống của động vật bị tịch thu là giá trị bảo tồn của các loài đó. Giá trị bảo tồn phải được quan tâm hàng đầu để đảm bảo sự sống cao nhất của các cá thể; vì vậy, việc thả động vật bị tịch thu phải đảm bảo nâng cao khả năng sinh tồn của quần thể động vật hoang dã. Việc thả động vật đã bị nhốt luôn kéo theo những rủi ro nhất định đối với quần thể động vật cùng loài hoặc các loài khác trong hệ sinh thái vì khó có thể khẳng định chắc chắn rằng động vật bị tịch thu có nhiễm bệnh hay không nhiễm. Nếu động vật đó không có giá trị bảo tồn thì sẽ là lãng phí nếu đầu tư để thả động vật đó về rừng vì có thể dùng ngân sách đó cho các loài khác hoặc để thực hiện các hoạt động bảo tồn có hiệu quả hơn.

Trong phần lớn các trường hợp, lợi ích của việc thả động vật về rừng sẽ lớn hơn so với chi phí bỏ ra và rủi ro có thể gặp. Nếu việc thả động vật về rừng không có giá trị bảo tồn, giải pháp nuôi nhốt sẽ tạo ra ít rủi ro hơn và có thể có thể áp dụng các giải pháp lựa chọn mang tính nhân đạo hơn.

Trả lời câu hỏi 1- Có: Điều tra các giải pháp “thả động vật về rừng”.
Không: Điều tra “các giải pháp nuôi nhốt”.

PHÂN TÍCH CÂY RA QUYẾT ĐỊNH – NUÔI NHỐT

Quyết định duy trì động vật bị tịch thu bằng hình thức nuôi nhốt đòi hỏi ít điều kiện hơn so với việc thực hiện giải pháp thả động vật về rừng.

Câu hỏi 2: Động vật có phải bị kiểm tra thú y và kiểm dịch không?

Động vật được chuyển sang hình thức nuôi nhốt phải ở trạng thái sức khỏe tốt để tránh rủi ro truyền bệnh cho các động vật bị nhốt. Cần thực hiện kiểm dịch và chọn lọc.

Trả lời câu hỏi 2: Có: Chuyển sang câu 3.
Không: Kiểm dịch và lựa chọn, và chuyển sang câu 3

Câu hỏi 3: Có thực hiện khám thú y và kiểm dịch tổng thể để xác định động vật có bị nhiễm bệnh hay không? Hoặc động vật có được điều trị để chữa bệnh dịch bị nhiễm hay không?

Nếu, trong khi kiểm dịch, động vật được phát hiện tại cảng là có mắc các bệnh dịch không thể chữa được, cần áp dụng biện pháp euthanize để tránh lây nhiễm bệnh sang các động vật khác. Nếu động vật bị nghi ngờ có tiếp xúc với dịch bệnh mà không thể phát hiện được thì cần xem xét các giải pháp kiểm dịch, chuyển sang cơ sở nghiên cứu hoặc áp dụng biện pháp euthanasia.

Trả lời câu hỏi 3: Có: Chuyển sang câu hỏi 4
Không: Nếu động vật bị nhiễm bệnh kinh niên hoặc bệnh không thể cứu chữa được, trước tiên cần gửi động vật tới các cơ quan nghiên cứu. Nếu không gửi chúng đến các cơ quan nghiên cứu được thì áp dụng phương pháp euthanize.

Câu hỏi 4: Có cơ sở gì để cho rằng các biện pháp di chuyển nhất định sẽ khuyến khích hiện tượng buôn bán động vật trái phép hoặc giảm hiệu quả của việc tịch thu (yếu tố hạn chế buôn bán trái phép)?

Cơ quan chức năng tịch thu động vật cần biết rằng:

- 1) Những đối tượng liên quan đến buôn bán hoặc vận chuyển trái phép động vật (có thể dẫn đến tình trạng tịch thu nhiều hơn) thì không thể thu gom những động vật trong đối tượng đề xuất di chuyển;
- 2) Việc di chuyển không ảnh hưởng đến mục tiêu của việc tịch thu và

3) Việc di chuyển sẽ không làm tăng tình trạng buôn bán, vận chuyển trái phép động vật. Những giải pháp có thể đảm bảo điều này sẽ phụ thuộc vào hiện trạng bảo tồn các loài động vật đang nghiên cứu, bản chất thương mại của các loài đó và hoàn cảnh cụ thể dẫn đến việc bị tịch thu. Việc thanh toán phí cho hoặc do cơ quan chức năng thực hiện sẽ làm phức tạp hóa quá trình đánh giá. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm tịch thu động vật cần xem xét nhiều biện pháp di chuyển động vật và so sánh rủi ro cũng như tiềm năng, lợi ích thu được giữa các biện pháp áp dụng.

Trả lời: Có: Chuyển sang Câu hỏi 5a.

Không: Chuyển sang Câu hỏi 5b.

Câu hỏi 5a: Ở những nơi nuôi nhốt, có diện tích lưu thông để cho phép biện pháp nuôi nhốt sẽ tạo ra nhiều lợi ích hơn so với những rủi ro gặp phải nếu di chuyển động vật không?

Câu hỏi 5b: Ở những nơi nuôi nhốt, có diện tích lưu thông để tạo ra những lợi ích cụ thể cho động vật thuộc đối tượng di chuyển hoặc các loài khác không?

Có rất nhiều giải pháp để nuôi nhốt động vật bị tịch thu, bao gồm cơ sở của nhà nước và tư nhân, các đơn vị thương mại, phi thương mại, các chuyên gia, tổ chức xã hội và cá nhân. Mặc dù có một số giải pháp nhưng cần xem xét lựa chọn xem giải pháp nào tạo cơ hội tối đa hóa giá trị bảo tồn động vật, như tham gia vào các chương trình nghiên cứu, giáo dục bảo tồn hoặc chương trình chăm sóc, nuôi dưỡng động vật nuôi nhốt. Tiềm năng bảo tồn phải được tính toán, xem xét cẩn thận và so sánh với những rủi ro có thể tạo cơ hội buôn bán trái phép gây áp lực vào quần thể các loài động vật hoang dã.

Mặc dù việc sắp xếp nơi sinh sống cho động vật với những hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc động vật nuôi nhốt để phục vụ mục đích thương mại có khả năng làm giảm nhu cầu bắt động vật hoang dã, cần phải đánh giá cẩn thận giải pháp này; có thể khó giám sát những cơ sở nuôi nhốt này và các chương trình quản lý có thể vô tình hoặc cố tình khuyến khích buôn bán động vật hoang dã. Ở nhiều nước, đã hình thành nhiều đội ngũ chuyên gia năng động hoặc các câu lạc bộ với những thành viên có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực thú y và chăm sóc, chăn nuôi từng cá thể động vật hoặc một nhóm các động vật cùng loài. Những đội ngũ như vậy có thể giúp tìm nơi nuôi nhốt các động vật bị tịch thu từ những cá nhân có kinh nghiệm và kiến thức chăm sóc, nuôi dưỡng những loài này. Khi đưa ra một lựa chọn nào, cần xem xét để xác định giải pháp đó phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1) tạo cơ hội cho động vật tham gia vào những chương trình nhằm mục đích bảo tồn các loài động vật;

2) cung cấp các hoạt động chăm sóc đồng bộ và phù hợp nhất và

3) đảm bảo tình trạng sức khỏe của động vật.

Ví dụ, ở những trường hợp nước sở tại không có cơ sở nuôi nhốt động vật bị tịch thu thì có thể di chuyển tới các địa điểm khác ngoài vùng lãnh thổ quốc gia. Việc áp dụng biện pháp này sẽ phụ thuộc vào giá trị bảo tồn của các loài động vật hoặc mức độ quan tâm đến giá trị bảo tồn. Khi đánh giá biện pháp này, cần quan tâm đến chi phí và mức độ sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho các hoạt động bảo tồn. Các cơ quan chức

năng cần xây dựng thỏa thuận thống nhất chuyển giao động vật bị tịch thu tới các cơ sở nuôi nhốt. Thỏa thuận này sẽ đưa ra những điều khoản và điều kiện về chuyển giao, bao gồm:

- a) hạn chế về các hình thức sử dụng (ví dụ, triển lãm, giáo dục, chăn nuôi), thương mại và phi thương mại,
- b) cam kết để đảm bảo chăm sóc cả đời cho động vật hoặc trong trường hợp không thể thực hiện cam kết đó thì chuyển giao sang cơ sở khác để có thể đảm bảo chăm sóc hoặc áp dụng biện pháp euthanize, và
- c) điều kiện liên quan đến chuyển nhượng quyền sở hữu, bán động vật hoặc động vật bố mẹ và con của chúng.

Trả lời câu hỏi 5: Có: Thực hiện thỏa thuận và bán.
Không: chuyển sang câu 6.

Câu hỏi 6: Các cơ quan có quan tâm đến động vật để phục vụ mục đích nghiên cứu theo điều kiện nhân đạo không?

Nhiều cơ quan nghiên cứu sưu tầm, thu thập động vật ngoại lai để phục vụ mục đích nghiên cứu theo các điều kiện nhân đạo. Nếu những động vật này được chăm sóc trong điều kiện đảm bảo được sức khỏe của chúng thì việc chuyển chúng đến những cơ quan này có thể là một giải pháp có thể chấp nhận được so với các giải pháp khác như di chuyển động vật tới cơ sở nuôi nhốt khác hoặc euthanasia. Như đã nói trong ví dụ trên, việc di chuyển động vật phải dựa trên sự thống nhất cao về các điều khoản và điều kiện với cơ quan chức năng tịch thu động vật. Bên cạnh các điều kiện đã đề cập, cũng nên đưa vào các điều khoản trong đó cơ quan chức năng cho phép triển khai nghiên cứu về động vật. Nếu không có giải pháp khả thi nào, thì nên áp dụng biện pháp euthanize.

Trả lời câu hỏi 6: Có: Thực hiện thỏa thuận và chuyển giao.
Không: Euthanize.

PHÂN TÍCH CÂY RA QUYẾT ĐỊNH – THẢ ĐỘNG VẬT VỀ RỪNG

Câu hỏi 2: Động vật có phải qua kiểm tra và kiểm dịch thú y tổng thể không?

Do có rủi ro mang bệnh dịch tới quần thể động vật hoang dã, các loài động vật bị tịch thu có khả năng được thả phải đảm bảo trong điều kiện sức khỏe tốt, không có bệnh dịch. Trước khi xem xét khả năng thả động vật về rừng, phải tiến hành kiểm dịch để xem liệu động vật đó có nhiễm bệnh hay không.

Trả lời câu hỏi 2: Có: Chuyển sang câu hỏi 3.
Không: Kiểm dịch và kiểm tra. Chuyển sang câu hỏi 3.

Câu hỏi 3: Có thực hiện khám thú y và kiểm dịch tổng thể để xác định động vật có bị nhiễm bệnh hay không? Hoặc động vật có được điều trị để chữa bệnh dịch bị nhiễm hay không?

Nếu, trong khi kiểm dịch, động vật được phát hiện tại cảng là có mắc các bệnh dịch không thể chữa được, cần áp dụng biện pháp euthanize để tránh lây nhiễm bệnh sang các động vật khác trừ khi có cơ quan nghiên cứu nào quan tâm đến động vật đó để

phục vụ mục đích nghiên cứu phù hợp với các điều kiện nhân đạo. Nếu động vật bị nghi ngờ có tiếp xúc với dịch bệnh mà không thể soi được thì cần xem xét các giải pháp kiểm dịch, tặng cho cơ sở nghiên cứu hoặc áp dụng biện pháp euthanasia.

Trả lời câu hỏi 3: Có: Chuyển sang câu hỏi 4

Không: Nếu động vật bị nhiễm bệnh kinh niên hoặc bệnh không thể cứu chữa được, trước tiên nên tặng động vật cho các cơ quan nghiên cứu. Nếu không gửi chúng đến các cơ quan nghiên cứu được thì áp dụng phương pháp euthanize.

Câu hỏi 4: Liệu có thể khẳng định được nguồn gốc quốc gia và địa điểm động vật bị bắt giữ?

Cần phải xác định vị trí địa lý, xuất xứ của động vật bị bắt khi rời bỏ môi trường tự nhiên nếu những loài này được sử dụng để củng cố quần thể động vật hiện có. Theo nguyên tắc chung, nên thả động vật về với quần thể nơi chúng ra đi hoặc về những quần thể có những hoạt động trao đổi tự nhiên giữa các cá thể với quần thể này.

Nếu không biết nguồn gốc động vật, việc thả động vật để củng cố quần thể sinh sống có thể dẫn đến hiện tượng lai giống vô ý giữa các loài gien khác biệt hoặc các tiểu loài. Các loài động vật sống trong cùng môi trường tự nhiên không bao giờ có hiện tượng lai giống nhưng khi bị nuôi nhốt chung vào cùng nhóm với nhiều loài khác thì lại xảy ra hiện tượng lai giống. Hình thức sinh sản của các loài trong những điều kiện không bình thường như vậy có thể dẫn đến các vấn đề về hành vi mà một mặt có thể tạo điều kiện thực hiện thành công việc thả động vật về rừng sau này và mặt khác có thể đe dọa tới quần thể động vật hoang dã do đã phá hủy sự sinh sản tự nhiên.

Trả lời câu hỏi 4 : Có: Chuyển sang câu hỏi 5.

Không: Áp dụng giải pháp nuôi nhốt

Câu hỏi 5: Động vật có biểu lộ những hành vi bất bình thường khiến chúng có thể khó phù hợp nếu quay trở lại với môi trường hoang dã?

Biểu hiện bất bình thường về hành vi là kết quả của việc nuôi nhốt và điều đó làm cho động vật trở nên khó phù hợp nếu được thả về môi trường hoang dã. Để tồn tại trong môi trường tự nhiên, trong thời gian ngắn đối với những cá thể hoặc lâu dài đối với cả quần thể thì động vật cần phải có rất nhiều đặc điểm và những kỹ năng hành vi cụ thể. Các kỹ năng săn bắn, tránh bị ăn thịt, lựa chọn thực phẩm, vv. rất cần thiết để đảm bảo sự sống còn của động vật.

Trả lời câu hỏi 5 : Có: Áp dụng giải pháp nuôi nhốt.

Không: Chuyển sang câu hỏi 6.

Câu hỏi 6: Động vật có thể được nhanh chóng quay trở lại môi trường sinh sống ban đầu (địa điểm cụ thể) và liệu lợi ích bảo tồn của các loài động vật này có lớn hơn những rủi ro có thể gặp phải không?

Việc thả động vật về với môi trường hoang dã thông qua củng cố quần thể động vật cần được thực hiện theo hướng dẫn của IUCN (xem Phụ lục 4) và sẽ chỉ có thể là một giải pháp dưới những điều kiện nhất định, bao gồm:

a) vẫn duy trì môi trường sinh sống sinh phù hợp tại địa điểm ban đầu khi động vật bỏ đi

b) có đủ ngân sách thực hiện.

Trả lời câu hỏi 6: Có: Củng cố ở môi sinh ban đầu (địa điểm cụ thể) theo hướng dẫn của IUCN.

Không: Chuyển sang câu hỏi 7.

Câu hỏi 7: Hiện có chương trình nào đang triển khai có mục tiêu bảo tồn động vật và thả những cá thể bị tịch thu và con cái của chúng về môi trường hoang dã? Liên hệ IUCN/SSC, IIUDZG, Studbook Keeper, hoặc điều phối viên chương trình sinh sản (xem Phụ lục 3).

Nếu có các chương trình sinh sản động vật nuôi nhốt và giải quyết động vật bị tịch thu và những chương trình này thường yêu cầu có thêm thành viên tham gia hoặc vốn để sinh sản động vật thì nên chuyển những động vật bị tịch thu tới các chương trình này sau khi đã trao đổi với cơ quan chức năng. Nếu các loài thuộc đối tượng di chuyển là đối tượng của chương trình sinh sản động vật nuôi nhốt nhưng các nhóm ngoại lai khác (tiểu loài, loài) không thuộc đối tượng của chương trình đó thì cần xem xét các phương pháp giải quyết khác. Cần đặc biệt quan tâm đến việc sàng lọc gen để tránh gây hủy hoại đến các chương trình sinh sản động vật nuôi nhốt do các hiện tượng lai giống vô ý.

Trả lời câu hỏi 7: Có: thực hiện thỏa thuận và chuyển giao động vật tới các chương trình hiện có.

Không: Chuyển sang câu hỏi 8.

Câu hỏi 8: Liệu có nhu cầu hoặc có khả thi không nếu thiết lập một chương trình mới giải quyết động vật bị tịch thu theo hướng dẫn của IUCN?

Trong trường hợp không thể chuyển giao các cá thể cho các chương trình giải quyết động vật bị tịch thu theo hướng dẫn của IUCN, thì có thể thiết lập một chương trình mới với điều kiện là:

- a) có môi sinh thích hợp để triển khai hoạt động của chương trình;
- b) có đủ ngân sách thực hiện, hoặc có thể huy động đủ ngân sách để hỗ trợ thực hiện chương trình trong nhiều năm theo yêu cầu của chương trình và
- c) có nhiều động vật để đảm bảo các hoạt động thực hiện mang tính khả thi cao.

Trong phần lớn các trường hợp, không thể đáp ứng ít nhất là một, nếu không phải tất cả, các điều kiện này. Ở trường hợp này cần xem xét thực hiện hoặc là giải pháp bảo tồn bên ngoài phạm vi truyền thống của các loài động vật hoặc các giải pháp thực hiện khác.

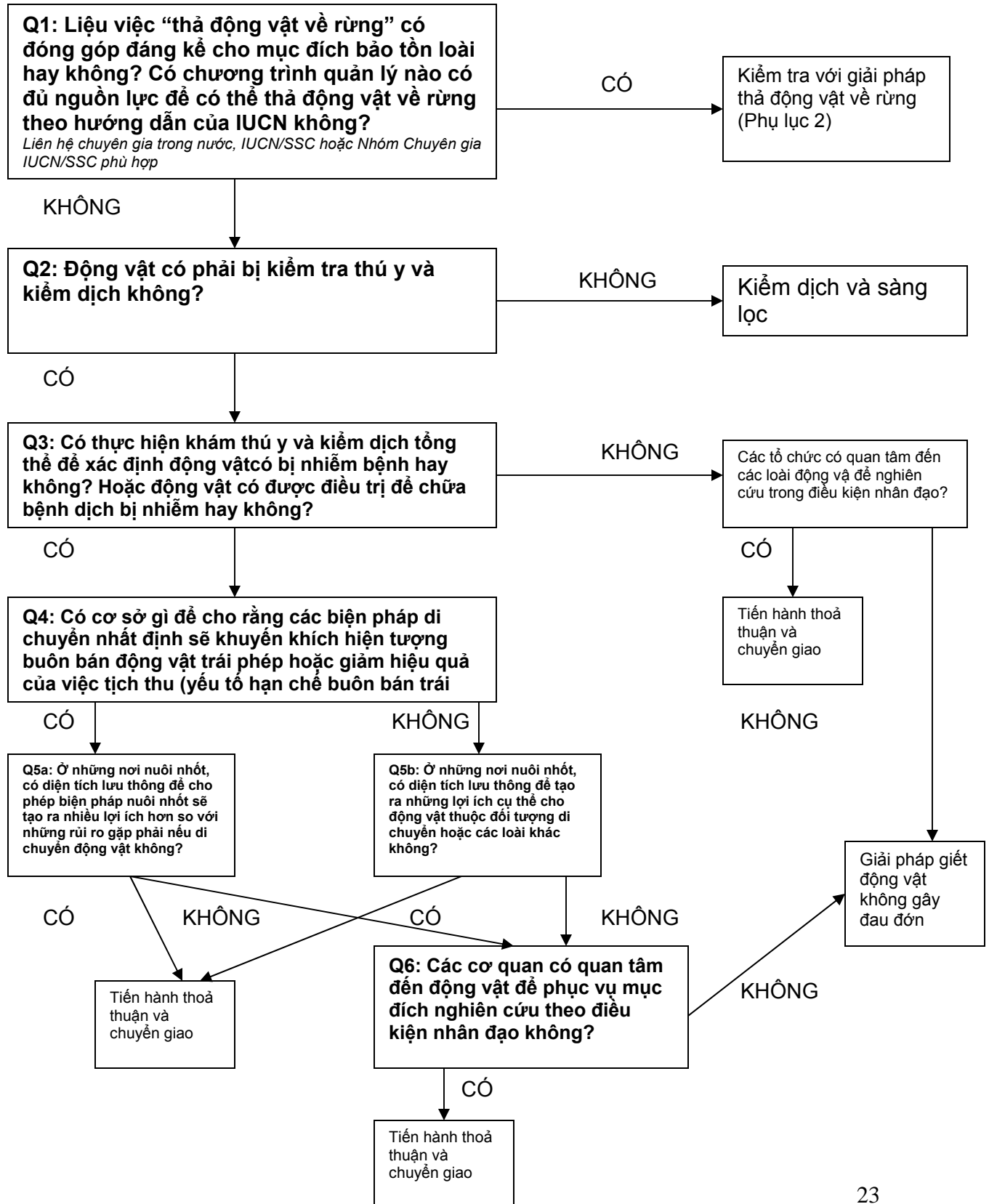
Nếu một loài cụ thể nào đó thường xuyên bị tịch thu thì cần xem xét khả năng xây dựng một chương trình di chuyển, củng cố cho loài đó. Trong khi xây dựng các chương trình đó thì các cơ quan chức năng không nên lưu giữ vô thời hạn những động vật tịch thu mà nên giao chúng cho một cơ sở nuôi nhốt sau khi đã trao đổi với đơn vị đang xây dựng chương trình mới đó.

Trả lời câu hỏi 8: Có: Thực hiện thỏa thuận và chuyển giao động vật tới cơ sở nuôi nhốt hoặc chương trình mới.

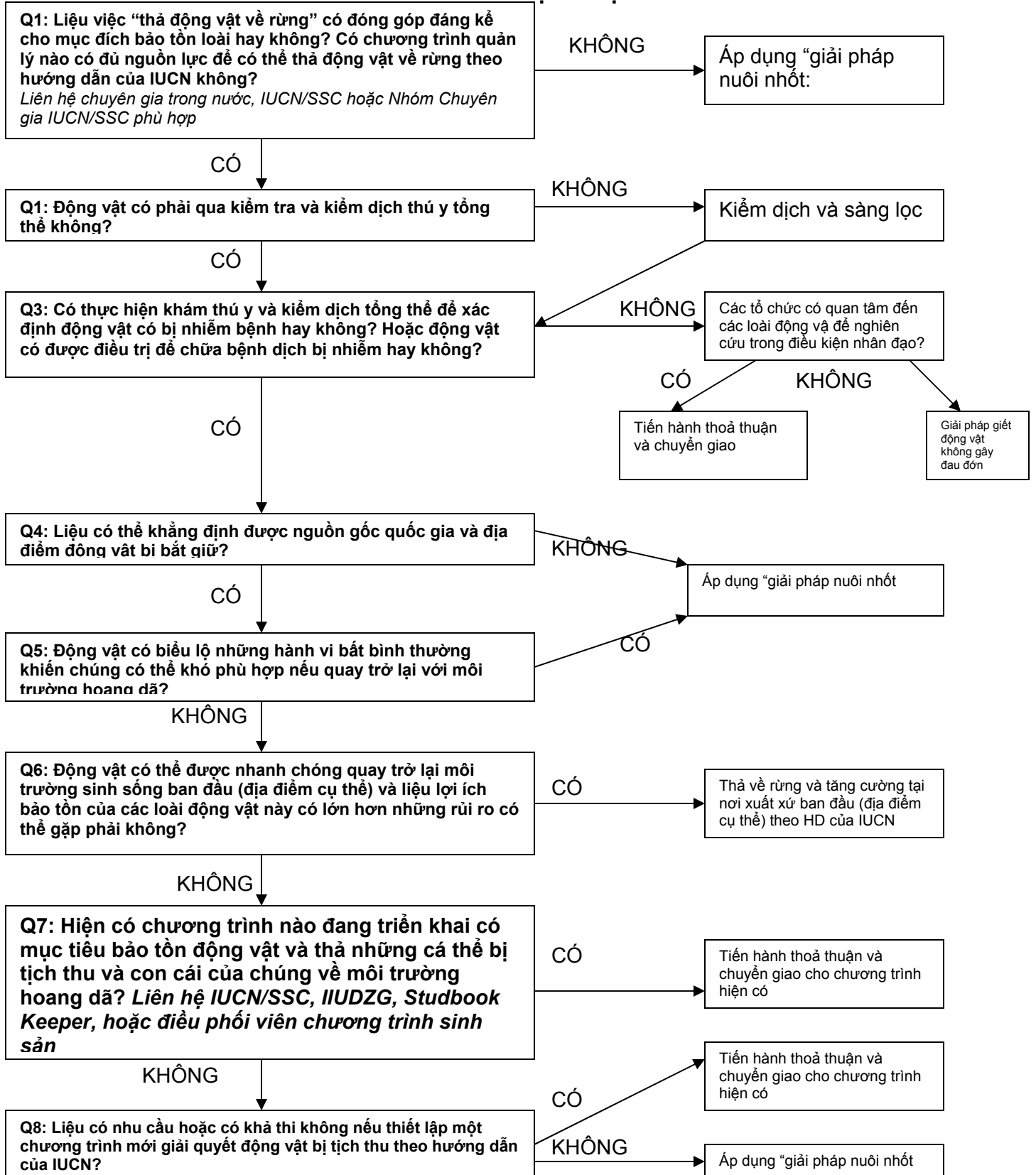
Không: Thực hiện giải pháp nuôi nhốt.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1 – SƠ ĐỒ CÂY RA QUYẾT ĐỊNH GIẢI PHÁP XỬ LÝ ĐỘNG VẬT BỊ NHỐT



PHỤ LỤC 2: SƠ ĐỒ CÂY RA QUYẾT ĐỊNH GIẢI PHÁP TRẢ LẠI CUỘC SỐNG HOANG DÃ CHO ĐỘNG VẬT



PHỤ LỤC 3 - ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ CHÍNH

IUCN Species Survival Commission

Liên hệ: Chương trình Species Survival Programme,
IUCN- Cơ quan Bảo tồn Thế giới,
Rue Mauverney 28, 1196 Gland, Thụy Sĩ.
Tel: +41-22-999-0153 / Fax: +41-22-999-0015 / Email: ssc@iucn.org
Website: <http://www.iucn.org/themes/ssc/index.htm>

Nhóm chuyên gia phân loại động vật

Thông tin liên hệ trực tiếp với từng chuyên gia trong nhóm của SSC có thể tìm thấy trong danh mục chi tiết địa chỉ liên hệ của IUCN và trên địa chỉ trang web nêu trên.

Nhóm chuyên gia đa ngành

Tiến sỹ. Frederic Launay, Chủ tịch
Ông Pritpal Soorae, Cán bộ Điều hành,
Cơ quan Nghiên cứu Môi trường và Phát triển động vật hoang dã (ERWDA),
PO Box 45553, Abu Dhabi, Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE).
Tel: 971-2-693-4650 / 681-7171
Fax: 971-2-681-0008
E-mail: PSoorae@erwda.gov.ae
Website: <http://www.iucn.org/themes/ssc/programs/rsg.htm>

Nhóm chuyên gia sinh sản bảo tồn

Tiến sỹ Ulysses S. Seal, Chủ tịch,
Văn phòng Chương trình IUCN/SSC CBSG,
12101 Johnny Cake Ridge Road, Apple Valley, Minnesota 55124, USA.
Tel: +952-997-9800
Fax: +952-432-2757
E-mail: office@cbsg.org
Website: <http://www.cbsg.org>

Nhóm chuyên gia Thú y

Tiến sỹ William B. Karesh, Đồng chủ tịch,
Trưởng ban, Chương trình thú y hiện trường
Hội Bảo tồn động vật hoang dã,
2300 Southern Blvd., Bronx, NY 10460, USA.
Tel: +718-220-5892
Fax: +718-220-7126
E-mail: wkaresh@wcs.org

Tiến sỹ Richard Kock, Đồng chủ tịch,
Trợ lý kỹ thuật – Chuyên gia thú y
Khoa dịch tễ PACE,
Văn phòng OAU Liên Châu Phi về nguồn động vật
P.O. Box 30786,
Nairobi, KENYA.
Tel: +254-2-318068
Fax: +254-2-226565
E-mail: Richard.kock@oau-ibar.org

Nhóm chuyên gia các loài xâm chiếm [Invasive Species Specialist Group](#)

Tiến sỹ Mick Clout, Chủ tịch,
Trường Môi trường và Khoa học biển,
Trường Đại học Auckland, Tamaki Campus,
Private Bag 92019, Auckland, New Zealand.
Tel: +64-9-373-7599
Fax: +64-9-373-7042
E-mail: issg@auckland.ac.nz

Ban thư ký CITES

Chemin des Anémones,
1219 Châtelaine-Genève,
Switzerland
Tel: + 41-22-979-9139 or 40
Fax: +41-22-797-3417
Email: cites@unep.ch
Website: www.cites.org